

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **21/2020/HS-ST**
Ngày: 27-02-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Ngọc Điệp;
2. Bà Huỳnh Thị Thùy Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 270/2019/TLST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 02 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trương Minh T**, sinh năm 1996. Tại: N. Nơi ĐKKHKT: Thôn H, xã P, huyện N, tỉnh N. Trình độ học vấn: 3/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Cha (không rõ nhân thân, lai lịch); mẹ Trương Thị C; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 25/5/2012, bị Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 113/2012/HSST; bị cáo bị bắt ngày 29/12/2018 và tạm giam cho đến nay; có mặt.

2. Họ và tên: **Trương Thiên Q**, sinh năm 1989. Tại: N. Nơi ĐKKHKT: Thôn H, xã P, huyện N, tỉnh N. Trình độ học vấn: 01/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Cha (không rõ nhân thân, lai lịch); mẹ Trương Thị C; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự, nhân thân: không; bị cáo bị bắt ngày 29/12/2018 đến ngày 19/7/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn (bảo lãnh) và tại ngoại cho đến nay; có mặt.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Trương Thiên Q, Trương Minh T: Bà Trương Thị C, sinh năm 1962. Địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện N, tỉnh N. (mẹ ruột các bị cáo)

- Bị hại: Bà Nguyễn Hoài Phương T, sinh năm 1995; địa chỉ: Khu phố 3, phường T, thị xã B, tỉnh B. (vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Võ Chí C, sinh năm 1996. Địa chỉ: Khu phố P, phường H, thị xã B, tỉnh B.(vắng mặt)

+ Bà Quách Thục H, sinh năm 1997. Địa chỉ: Khu phố 7, phường T, thành phố T, tỉnh B.(vắng mặt)

+ Ông Hà Văn P, sinh năm 1973. Địa chỉ: Số 40/15, khu phố M, phường C, thành phố T, tỉnh B.(vắng mặt)

Người làm chứng: Ông Đỗ Thanh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Minh T và Trương Thiên Q là anh em ruột và cả hai đều không có việc làm ổn định. Do không có tiền tiêu xài nên cả hai đã nảy sinh ý định đi cướp giật tài sản để lấy tiền tiêu xài. Thực hiện ý định trên, khoảng 12 giờ ngày 29/12/2018, T điều khiển xe mô tô, màu đỏ, biển số 61B1-356.XX chở Q đi đến đường N, đoạn thuộc khu phố 2, phường H, thành phố T, tỉnh B thì cả hai nhìn thấy có 01 đám cưới của ông Võ Chí C sinh năm 1996, cư trú tại khu phố P, phường H, thị xã B, tỉnh B và bà Quách Thục H sinh năm 1997, cư trú tại khu 7, phường T, thành phố T, tỉnh B đang được tổ chức tại Trung tâm Văn hóa phường Hiệp An ở bên cạnh đường N, lúc này T rủ Q vào cướp giật thùng tiền mừng đám cưới thì Q đồng ý. Tiếp đó, T điều khiển xe chở Q đi nhiều vòng quanh đám cưới để tìm cơ hội thuận tiện thực hiện hành vi cướp giật thùng tiền mừng đám cưới thì thấy không có người để ý nên T kêu Q đi vào giật lấy thùng tiền mừng đám cưới còn T đứng ngoài cảnh giới và đợi Q ra để chở Q tẩu thoát. Liên đó, T dừng xe và để xe vẫn nổ máy sẵn đứng phía ngoài cách thùng tiền mừng cưới khoảng 08 mét, còn Q xuống xe đi vào trong đám cưới thì thấy có bà Nguyễn Hoài Phương T, sinh năm 1995, ngụ tại khu phố 3, phường T, thị xã B, tỉnh B là người được ông C và bà H nhờ trông coi thùng tiền đang ngồi coi thùng tiền mừng đám cưới, lúc này Q đi lại gần và lợi dụng lúc bà T sơ hở để nhanh chóng dùng hai tay ôm thùng tiền mừng đám cưới bên trong có số tiền 99.800.000 (Chín chín triệu tám trăm ngàn) đồng rồi định bỏ chạy thì bị bà T dùng hai tay ôm giữ thùng tiền lại nhưng Q đã giật lấy được thùng tiền và bỏ chạy về phía T đang đứng đợi. Khi Q ôm thùng tiền bỏ chạy được một đoạn khoảng 04 mét thì bị một số người dân xung quanh bắt giữ, còn T thấy Q bị người dân đuổi bắt nên đã tăng ga xe để bỏ chạy nhưng cũng bị người dân bắt giữ giao Công an phường Hiệp An để lập biên bản tiếp nhận người bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang đối với T và Q về hành vi có dấu hiệu phạm Tội cướp giật tài sản và thu giữ số vật chứng gồm: (Một) xe mô tô biển số 61B1-356.XX, 01 (Một) thùng tiền mừng đám cưới bên trong có số tiền 99.800.000 (Chín chín triệu tám trăm ngàn) đồng; 01 (Một) con dao lưỡi bằng kim loại dài khoảng 15 cm, cán bằng nhựa màu đen dài khoảng 10 cm. Cùng ngày 29/12/2019, Công an phường Hiệp An đã chuyển giao hồ sơ vụ việc và các đối tượng Trương Minh T, Trương Thiên Q cùng vật chứng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Thủ Dầu Một để giải quyết theo thẩm quyền.

Cùng ngày 29/12/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Thủ Dầu Một đã giao trả số tiền 99.800.000 (Chín chín triệu, tám trăm ngàn) đồng và 01 (Một) thùng dùng để đựng tiền mừng đám cưới cho bà Phạm Hoài Phương T là người được

ông Võ Chí C và bà Quách Thục H giao quản lý thùng tiền mừng đám cưới. Hiện ông C, bà H và bà T không có yêu cầu gì khác đối với Trương Thiên Q và Trương Minh T.

Căn cứ Bản kết luận giám định pháp y về tâm thần số 589/KL-VPYTW ngày 17/10/2019 của Viện giám định pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa kết luận Trương Minh T:

- Về y học: Trước, trong, sau khi gây án và hiện nay đang sự bị bệnh Rối loạn nhân cách và hành vi thực tổn (F07.8-ICD.10).

- Về năng lực nhận thức và điều khiển hành vi:

- + Tại thời điểm gây án: Đang sự bị hạn chế năng lực nhận thức và điều khiển hành vi.

- + Hiện nay: Đang sự đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi (để làm việc với cơ quan pháp luật)

Quá trình điều tra, xác định số vật chứng thu giữ như sau:

- Đối với 01 (Một) con dao lưỡi bằng kim loại dài khoảng 15 cm, cán bằng nhựa màu đen dài khoảng 10 cm được thu giữ tại hiện trường, quá trình điều tra Trương Minh T và Trương Thiên Q không thừa nhận con dao thu giữ trên là của T và Q, do con dao thu giữ được ở trên nền đường nơi xảy ra sự việc nên không xác định được chủ sở hữu là ai do vậy Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một đã chuyển vật chứng đến Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một để đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 (Một) xe mô tô biển số 61B1-356XX, quá trình điều tra xác định đây là xe do ông Hà Văn P sinh năm 1973. Địa chỉ: Số 40/15, khu phố M, phường C, thành phố T, tỉnh B đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký xe. Năm 2015, ông P đã bán xe trên cho một người nam (không rõ họ tên và địa chỉ cư trú), khi bán không làm giấy tờ mua bán và sang tên theo quy định. Quá trình điều tra Trương Minh T khai nhận đã mua chiếc xe trên của một người nam (không rõ họ tên và địa chỉ cư trú), khi mua không làm giấy tờ mua bán và sang tên theo quy định. T đã sử dụng chiếc xe trên làm phương tiện đi cướp giật tài sản nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một đã ra Quyết định chuyển vật chứng đến Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một để Hội đồng xét xử ra xử lý theo quy định của pháp luật.

Cáo trạng số 285/CT-VKS-HS ngày 29/11/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Trương Thiên Q, Trương Minh T về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trương Thiên Q, Trương Minh T đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 171; điểm q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trương Minh T mức hình phạt tù 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 04 (bốn) năm tù.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trương Thiên Q mức hình phạt tù 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 xe mô tô đã qua sử dụng biển số 61B1-356XX (số khung C708403499; số máy C70E8548726) (không kiểm tra chi tiết, tình trạng hoạt động).

Tịch thu tiêu hủy 01 con dao lưỡi bằng kim loại dài khoảng 15cm cán bằng nhựa màu đen dài khoảng 10cm

Bị cáo Trương Minh T, Trương Thiên Q không có ý kiến tranh luận, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trương Minh T, Trương Thiên Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản hỏi cung bị can, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở kết luận: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 29/12/2018, tại Trung tâm Văn hóa phường Hiệp An trên đường N, phường H, thành phố T, tỉnh B, Trương Minh T và Trương Thiên Q thực hiện hành vi cướp giật thùng tiền mừng đám cưới trong tiệc cưới của ông Võ Chí C và bà Quách Thục H đang nằm trong sự quản lý của bà Nguyễn Hoài Phương T thì bị bà T cùng người dân truy hô bắt giữ các bị cáo giao cho Công an phường Hiệp An. Tổng số tiền bị cáo Q, T chiếm đoạt là 99.800.000đ (Chín mươi chín triệu tám trăm ngàn đồng) nên hành vi mà các bị cáo thực hiện đã hội đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” thuộc tình tiết định khung tại điểm c khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự, trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam, lười lao động mà các bị cáo đã bất chấp sự trừng phạt của pháp luật thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án thấy: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, hai bị cáo là anh em ruột, không có việc làm ổn định rủ rê nhau đi cướp giật tài sản để lấy tiền tiêu xài, bị cáo T là người rủ rê bị cáo Q, điều khiển xe chở Q đi tìm tài sản và đề nghị Q thực hiện hành vi để chiếm đoạt; Bị cáo Q khi được T rủ rê bị cáo đồng ý ngay, khi phát hiện tài sản bị cáo là người trực tiếp thực hiện hành vi cướp giật. Bị cáo T có nhân

thân xấu đã từng bị kết án nay lại tiếp tục phạm tội chứng tỏ bị cáo là đối tượng xem thường pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện Hội đồng xét xử cần phải xử các bị cáo mức hình phạt nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo đồng thời cũng nhằm phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; tài sản đã được thu hồi và giao trả cho bị hại; bị cáo Q bị khuyết tật nặng, bị bệnh viêm màng bồ đào dẫn đến mù mắt; bị cáo T là người có bệnh, bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt cho bị cáo T và áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt cho bị cáo Q.

[6] Đối chiếu với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, căn cứ vào nhân thân các bị cáo, xét mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo Trương Minh T, Trương Thiên Q là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Vật chứng của vụ án:

- Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước 01 xe mô tô đã qua sử dụng biển số 61B1-356XX (số khung C708403499; số máy C70E8548726) (không kiểm tra chi tiết, tình trạng hoạt động).

- Tịch thu tiêu hủy 01 con dao lưỡi bằng kim loại dài khoảng 15cm cán bằng nhựa màu đen dài khoảng 10cm

[9] Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 136, 260 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên bố các bị cáo Trương Thiên Q, Trương Minh T phạm tội “Cướp giật tài sản”.

1./ Về hình phạt:

1.1. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 171; điểm q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trương Minh T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/12/2018.

1.2. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 171; điểm p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trương Thiên Q 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án được khấu trừ thời gian tạm giam trước đây từ ngày 29/12/2018 đến ngày 19/7/2019.

2./ Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự tuyên:

- Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước 01 (một) xe mô tô đã qua sử dụng biển số 61B1-356.XX (số khung C708403499; số máy C70E8548726) (không kiểm tra chi tiết, tình trạng hoạt động).

-Tịch thu tiêu hủy 01 (một) con dao lưỡi bằng kim loại dài khoảng 15cm cán bằng nhựa màu đen dài khoảng 10cm.

(Thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng số 040.20 ngày 29/11/2019 giữa Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một và Công an thành phố Thủ Dầu Một).

3./ Về án phí: Buộc Trương Thiên Q, Trương Minh T mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Công an thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Sở Tư Pháp tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Tâm